



L?CH S? DI C? VA NGHI L? TH? CUNG T? TIEN C?A
CAC DONG H? G?C HOA ? H??NG VINH

著者	Kimura Mizuka
journal or publication title	CULTURE AND HISTORY OF HUE FROM THE SURROUNDING VILLAGES AND OUTSIDE REGIONS
page range	89-104
year	2010-03-26
その他のタイトル	The history of migration and the ancestral worship among the small families of Chinese descent in H??ng Vinh
URL	http://hdl.handle.net/10112/3428

LỊCH SỬ DI CƯ VÀ NGHI LỄ THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA CÁC DÒNG HỌ GỐC HOA Ở HƯƠNG VINH (The history of migration and the ancestral worship among the small families of Chinese descent in Hương Vinh)^(*)

Giới thiệu

Theo báo cáo nghiên cứu được tiến hành vào năm 1945, Chen Chin-ho (Trần Kinh Hòa) đã liệt kê 41 họ tộc ở làng Minh Hương, trong số đó hàng chục họ tộc được cho là có nguồn gốc từ người Trung Hoa xưa như Cam, Chu, La, Hầu, Lưu, Nhân...

Báo cáo này mục đích tìm hiểu lịch sử của việc di cư và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên của các dòng họ gốc Hoa ở xã Hương Vinh- vùng ngoại ô thành phố Huế. Dù Chen Chin-ho (陳 1964) đã nghiên cứu về gia phả và phả hệ của dòng họ Trần - một trong những dòng họ lớn ở làng Minh Hương; tuy nhiên, không phải tất cả các dòng họ gốc Hoa ở Minh Hương đều thuộc dòng dõi họ Trần. Ngược lại, hầu hết các dòng họ gốc Hoa đang sống ở Minh Hương có số lượng nhân khẩu khá ít và không được xem là những dòng họ có nguồn gốc dòng dõi điển hình của người Hoa. Mặc dù vậy, việc phân tích gia tộc của những dòng họ nhỏ này có thể giúp chúng ta hiểu được sự giao thoa văn hóa ở cấp cộng đồng trong lịch sử của xã Hương Vinh.

Trong phần đầu tiên của báo cáo này, tôi sẽ trình bày khái quát lịch sử của làng Minh Hương. Phần thứ hai là phần chính của báo cáo sẽ trình bày các số liệu chi tiết về lịch sử và các khía cạnh văn hóa của người gốc Hoa. Phần cuối cùng sẽ phân tích các số liệu đã có dựa trên quan điểm về chiều sâu thể hệ của các dòng họ.

^(*) **PGS. Kimura Mizuka, Trường Khoa học Nhân văn, Đại học Osaka, Nhật Bản** (Assistant Professor, Graduate school of Human Sciences, Osaka University, Japan)
Bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt: **NCS. Huỳnh Thị Ánh Phương, Bộ môn Nhân học-Công tác xã hội, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế** (Translator, Ph.D Candidate, Anthropology-Social work Department, Faculty of History, Hue University of Sciences)

1. Tóm tắt lịch sử di cư của người gốc Hoa đến xã Hương Vinh

Đã có một số bài báo phân tích lịch sử di cư của người gốc Hoa đến xã Hương Vinh, đặc biệt là làng Minh Hương (Đào 1943; 陳1959). Theo phân tích của Đào Duy Anh, quá trình phát triển địa phận làng Minh Hương và các làng lân cận được mô tả như sau: Đầu tiên, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Lan, người Hoa mua đất ở phố Thanh Hà và Địa Linh và bắt đầu xây dựng các khu buôn bán. Sau đó, vào năm 21 Chính Hòa (1700), những người Hoa này bắt đầu có đủ quyền tự trị trên mảnh đất đó.

2. Các dòng họ gốc Hoa xưa và nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Tôi đã tiến hành phỏng vấn 11 dòng họ gốc Hoa có lịch sử di cư đa dạng và những đặc điểm tương đồng khác ở xã Hương Vinh. Do sự phát triển thương mại, có một số dòng họ lớn đã chuyển đến sinh sống tại trung tâm thành phố Huế hoặc đến các vùng đô thị khác. Các gia đình còn lại ở xã Hương Vinh đều là thuộc dòng họ nhỏ. Trong báo cáo này, tôi chọn 8 dòng họ gốc Hoa và trình bày lịch sử di cư của họ, cụ thể là hệ thống sử dụng tên đệm (“Beihang zi” trong tiếng Hoa) và nghi lễ thờ cúng tổ tiên.

2.1. Dòng họ Trần - Referencial Point

Như tôi đã đề cập ở trên, dòng họ Trần ở xã Minh Hương là dòng tộc gốc Hoa chiếm đa số ở Huế, tuy nhiên hiện tại chỉ còn hai gia đình mang họ Trần còn lưu trú tại làng Minh Hương, số khác đã di cư đến các vùng khác, bao gồm nước Mỹ.

Tên đệm (輩行字)

Theo văn hóa của người Việt Nam, tên đệm thường quy định theo từng dòng họ khác nhau. Đối với người Hoa, tên đệm lại phản ánh thứ bậc trong một dòng họ nào đó. Nói cách khác, nếu như bạn có tên đệm giống với một ai đó trong dòng họ mình, có nghĩa là bạn cùng nhánh phả hệ với người đó. Như trong trường hợp của dòng họ Trần, tên đệm của mỗi thế hệ được thể hiện như sau: (theo 陳 1964: 29).

- | | |
|-----------|------------|
| 1. Dưỡng | 7. Dưỡng |
| 2. Hoài | 8. Hoài |
| 3. Nghinh | 9. Nghinh |
| 4. Nguyên | 10. Nguyên |
| 5. Sĩ | 11. Sĩ |
| 6. Triều | |

Người thuộc nhánh phả hệ đầu tiên của dòng họ Trần là Trần Dưỡng Thuận. Theo quy định như nêu ở trên thì người này có chữ đệm là “Dưỡng”. Bảng phả hệ sẽ khắc tên các thành viên của dòng họ Trần theo từng thế hệ. Chen Chin-ho chỉ ra hai điểm thú vị về hệ thống sử dụng tên đệm của dòng họ Trần như sau:

Thứ nhất, cách đặt tên đệm sẽ được xoay vòng sau 6 thế hệ. Hệ thống tên đệm này khá khác với hệ thống đặt tên truyền thống của người Hoa, nghĩa là họ không bao giờ sử dụng trùng tên đệm qua các thế hệ. Vì vậy, Chen cho rằng *“thậm chí mặc dù hệ thống chữ đệm có vẻ không mang đặc trưng của người Minh Hương hoặc chỉ là cá biệt đối với dòng họ Trần, chúng vẫn làm thay đổi hệ thống đặt tên của người Hoa (theo 陳 1964: 30)”*.

Thứ hai, theo Chen Chin-ho đó là sự biến đổi về bản chất của hệ thống đặt tên đệm của người Hoa. Tác giả viết *“con trai của thế hệ trực tiếp sau đời thứ 8 được sử dụng chữ đệm là “踐Tiễn” để đặt tên (字 tự)... Một mặt hàm ý rằng họ tôn thờ ông Trần Tiễn Thành, mặt khác nó bắt chước phong tục dân gian của người Việt và sử dụng từ “踐Tiễn” là chữ đệm (theo 陳 1964: 30)”*. Mô tả này cũng được ông Trần Nguyên Đang, hậu duệ của dòng họ Trần chứng thực. Khi tôi hỏi tên con trai của ông, ông Trần Nguyên Đang đã cho tôi biết tất cả các con ông dù trai hay gái đều có tên đệm là ‘踐Tiễn’. Ví dụ này chỉ ra rằng chữ ‘踐Tiễn’ là tên đệm của dòng tộc Trần.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Lễ thờ cúng tổ tiên lớn nhất là lễ kỷ niệm ngày mất của ông Trần Dưỡng Thuận, tiên bô thuộc thế hệ đầu tiên của dòng họ Trần được tổ chức vào ngày 11 tháng 4 âm lịch.

2.2. Dòng họ Lưu (劉) (Minh Hương, Dân tộc: Kinh)¹

Người cung cấp thông tin về dòng họ Lưu là ông Lưu Nguyên Tô (sinh năm 1935) hiện đang sống cạnh nhà thờ họ Lưu ở làng Minh Hương.

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Lưu

Bởi vì bảng phả hệ của dòng họ Lưu được lưu giữ tại Hà Nội nên chúng tôi rất khó xác định tổ tiên của họ đến làng Minh Hương khi nào. Theo ông Lưu Nguyên Tô, tổ tiên của ông đã đến làng Minh Hương từ cách đây 500-600 năm từ tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (福建 Fujian). Những người này làm nghề buôn bán đồ sứ. Họ thường mua các loại đồ sứ từ Trung Quốc và bán cho các vua quan ở Huế.

Ông Lưu Sĩ Vinh (劉士榮) được cho là người đầu tiên di cư đến Việt Nam, sau đó là Lưu Thừa Cơ (劉承基) và đến Lưu Đại Thành (劉大成). Vì thế, tên đệm của ba thế hệ đầu tiên là Sĩ, Thừa, và Đại. Lần lượt những người di cư khác đến và tên đệm của họ cũng lần lượt được đặt cho các thế hệ nối tiếp, bao gồm Triều, Thế, Thiên, Nguyên. Cha đẻ của ông Lưu Nguyên Tô là ông Lưu Nguyên Sanh - là hậu duệ đời thứ sáu của dòng họ Lưu. Theo ông Lưu Nguyên Tô, đúng ra cha ông phải có tên đệm là “Sĩ” nếu theo quy định của dòng họ. Tuy nhiên, các thế hệ đời sau của dòng họ Lưu thuộc nhánh hệ của ông đều có tên đệm là “Nguyên”. Ví dụ, cha của ông là Lưu Nguyên Khánh, ông là Lưu Nguyên Tô. Với những minh chứng này, ta có thể có danh sách tên đệm của dòng họ Lưu như sau:

- | | |
|----------|-----------|
| 1. Sĩ | 6. Thiên |
| 2. Thừa | 7. Nguyên |
| 3. Đại | 8. Nguyên |
| 4. Triều | 9. Nguyên |
| 5. Thế | |

Ở Việt Nam, có 4 nhánh phả hệ của tộc Lưu, một ở Hà Nội, một ở Thành phố Hồ Chí Minh và hai ở Huế (Thủy An và Minh Hương). Các gia tộc nhánh ở Hà Nội đã thay đổi tên đệm thành “Đức” thay vì dùng theo quy định của dòng họ. Khi tham gia

¹ Dân tộc Kinh ở đây là một thủ tục hành chính đăng ký trên CMND.

kháng chiến, các gia tộc này đã chọn tên đệm là “Đức” để đặt tên cho con cháu và bảng phả hệ đã được các thành viên trong dòng họ ở Hà Nội lưu giữ. Ở Thủy An, Huế có một nhà thờ họ Lưu rất lớn.

Mặc dù các thành viên của dòng họ Lưu không tuân theo hệ thống đặt tên đệm truyền thống; nhưng theo ông Lưu Nguyên Tô, họ vẫn phải đặt tên đệm theo một thứ bậc nào đó. Hệ thống đặt tên đệm theo thứ bậc này khá giống với dòng họ Trần ở hai khía cạnh. Thứ nhất, mỗi thế hệ được đặt theo tên đệm riêng. Thứ hai hệ thống tên đệm được lặp lại sau 7 thế hệ.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Nhà thờ họ Lưu nằm cạnh nhà ở của ông Lưu Nguyên Tô và được vợ chồng ông trông coi. Ở đây có các bài vị được viết bằng chữ Hán thờ các tổ tiên đời thứ nhất, thứ hai và thứ ba của dòng họ. Một số các bài vị khác bị hư hỏng nên rất khó xác định được tên tuổi của những người khác được thờ ở đây.

2.3. Dòng họ Nhan (顏) (Minh Hương, dân tộc: Kinh)

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Nhan

Người cung cấp thông tin về dòng họ Nhan là ông Nhan Đạo Trống (1952) hiện đang sống tại làng Minh Hương. Ông không biết rõ nguồn gốc của tổ tiên ở đâu. Do bảng phả hệ của dòng họ bị cháy vào năm Mậu Thân (1968), nên ông không biết đã có bao nhiêu đời con cháu dòng họ Nhan từ thời tổ tiên di cư đến đây. Thông tin duy nhất ông biết là tổ tiên của ông đến từ tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (福建 Fujian).

Ông Nhan Đạo Trống có 3 người anh và 1 người em gái. Hiện tại, người anh cả đang sống ở Đà Nẵng; người em gái đang sống ở Nha Trang; người anh thứ hai đang sống ở Mỹ. Trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam, ông này đã từng phục vụ trong lực lượng không quân Mỹ. Sau giải phóng, ông đi cải tạo lao động trong 7 năm và sau khi hết hạn cải tạo, ông được bảo lãnh sang Mỹ sinh sống vào năm 1991.

Ông nội của ông Nhan Đạo Trống là ông Nhan Đạo Trác (sinh năm 1882, năm Tự Đức thứ 35), cha ông là ông Nhan Đạo Thân² (sinh năm 1906). Các con ông được đặt tên là Nhan Đạo Đức và Nhan Đạo Hiếu. Có thể thấy rằng tên đệm của gia tộc họ Nhan là chữ “Đạo” và được sử dụng cho tất cả các thế hệ.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Dòng họ Nhan không có gia tộc nhánh nào. Hiện tại nhà thờ họ duy nhất nằm ở làng Minh Hương. Ở đây, có 3 am thờ, trong đó ông tổ của dòng họ được thờ ở am giữa và được hương khói với một lư hương. Ở am bên trái có 4 cái lư hương. Theo ông Nhan Đạo Trống, những lư hương này tượng trưng cho các đời tộc sau đời thứ hai đến thời ông cố của ông. Tuy nhiên, ông không nắm rõ có bao nhiêu thế hệ từ thế hệ thứ hai đến nay và cũng không biết lư hương nào tượng trưng cho thế hệ nào. Am bên phải thờ các vị tiên bôì của thế hệ gần đây, có bài vị của ông nội, di ảnh của bà nội của ông Trống và hai lư hương nằm ở phần sau. Ở phần giữa là di ảnh và lư hương của cha ông Trống. Bên cạnh lư hương của cha mẹ ông Trống là một con ngựa đồ chơi tượng niệm người em chết trẻ của ông. Ở phía trái là di ảnh và lư hương của người em trai của cha ông.

Nghi lễ thờ cúng chính được tổ chức vào ngày 19 tháng 4 âm lịch, là ngày mất của cha ông Nhan Đạo Trống. Mẹ ông cũng được tổ chức húy kỵ vào ngày này, vì bà mất vào tháng hai. Vào ngày 18 tháng 4, gia đình tổ chức đi thăm và dọn dẹp mộ tổ tiên ở 3 nghĩa trang. Vào ngày 19 tháng 4, họ tổ chức cúng cơm ở các ngôi mộ và tổ chức húy kỵ tại nhà thờ họ. Rất nhiều bà con, họ hàng của dòng họ Nhan tham dự vào ngày này.

Ngoài ngày 19 tháng 4, gia đình ông Nhan Đạo Trống còn tổ chức húy kỵ cho ông nội vào ngày 11 tháng 6 và bà nội vào ngày 23 tháng 8 âm lịch. Ngoài ra, gia đình ông còn đơm hương hoa vào các ngày rằm, mùng một hàng tháng (ngày 1, 14, 15 và 30).

² Ông này là y tá quân đội dưới thời Pháp thuộc. Sau năm 1945, ông phục vụ cho ban hành chính của Chính phủ Hồ Chí Minh.

2.4. Dòng họ Cam (甘) (Minh Hương, dân tộc: Kinh)

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Cam

Người cung cấp thông tin về dòng họ Cam là ông Cam Mậu Tường hiện đang sinh sống tại làng Minh Hương. Ông Tường không nhớ chính xác về lịch sử di cư của dòng họ mình, vì ông nội của ông đã mất khi cha ông mới 8 tuổi. Vì thế, cha ông cũng không nhớ chính xác về lịch sử di cư của dòng họ, mà chỉ nhớ tổ tiên dòng họ trong vòng 3 thế hệ gần đây nhất. Ông tổ đầu tiên mà ông có thể nhớ là ông Cam Mậu Lâm. Ông nội của ông là Cam Tùng là một lương y. Cha của ông là ông Cam Quật. Sau giải phóng, cha ông chuyển vào sinh sống tại Đà Lạt cho đến nay và mới chỉ về lại làng Minh Hương một lần. Theo các chứng cứ trên thì chúng ta có thể thấy rằng tên đệm “Mậu” của dòng họ Cam được sử dụng lại sau hai thế hệ.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Am thờ trong nhà là nơi duy nhất thờ cúng tổ tiên dòng họ Cam. Một phát hiện thú vị là hầu hết các lư hương đều để thờ phía bà nội của ông Cam Mậu Tường. Di ảnh và lư hương thờ bà nội của ông Tường được đặt ở giữa am. Phía tay phải là di ảnh và lư hương của ông cậu cũng được đặt chung với các lư hương khác của gia đình ông. Phía tay trái là di ảnh và lư hương thờ một người chị gái của cha ông Tường. Vấn đề ở chỗ là người em trai và gia đình của bà nội ông Cam Mậu Tường không thuộc dòng họ Cam. Phía trước am thờ là lư hương thờ ông Cam Mậu Lâm và ông Cam Tùng.

Cha của ông Cam Mậu Tường hiện đang sống ở Đà Lạt và rất ít khi trở lại Minh Hương, vì thế ông Cam Mậu Tường phải trông nom am thờ tại nhà.

2.5. Dòng họ Khương (康) (Địa Linh, dân tộc: Kinh)

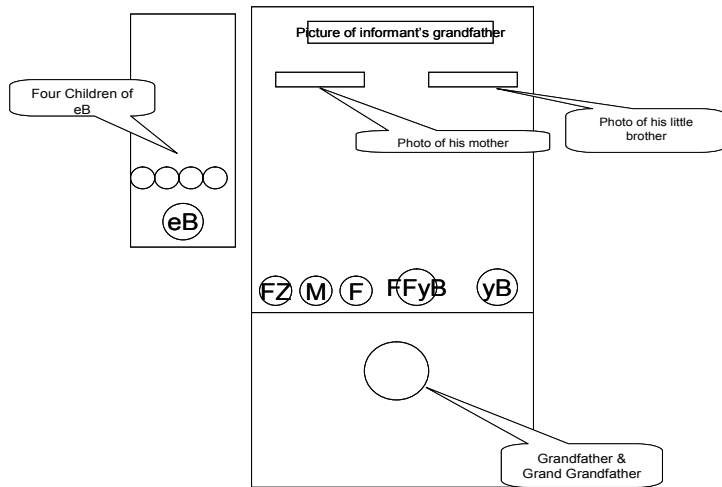
Người cung cấp thông tin về dòng họ Khương là ông Khương Văn Tài (sinh năm 1932). Vợ ông là bà Dương Thị Ngọt, dân tộc Kinh. Hiện tại ông đang sống cùng bốn người con trai và 3 cháu nội. Gia đình ông làm nghề may tại nhà.

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Khương

Ông nội, cha và em trai của ông Khương Văn Tài di cư từ Quỳnh Châu (瓊州), tỉnh Hải Nam (海南), Trung Hoa đến làng Địa Linh trong giai đoạn Pháp xâm lược Việt Nam. Ông nội và cha của ông làm nghề buôn bán thuốc đông y. Ông không nhớ chính xác ngày ông di cư đến Việt Nam.

Ông Khương Văn Khi, cha của ông Khương Văn Tài đã đưa 3 anh em của ông trở lại Hải Nam vào năm 1926. Sau đó, cha của ông có liên lạc với ông nhưng hai cha con mất liên lạc từ khi Chiến tranh thế giới thứ II xảy ra.

Ông Khương Văn Tài chỉ có một bảng phả hệ của dòng họ do ông và anh trai lập vào năm 1981. Theo bảng phả hệ thì ông nội của ông là Khương Văn Phong, là người đầu tiên của dòng họ Khương đến sống ở Địa Linh. Ông nội của ông có hai vợ, một phụ nữ người Hoa ở Hải Nam và một phụ nữ người Kinh.



Cha của ông Khương Văn Tài là Khương Văn Khi, là con trai của bà vợ người Hoa. Ông nội của ông mất ở Việt Nam. Còn bà vợ người Kinh có với ông một con trai (Khương Văn Sanh) và hai con gái (cả hai người đều mất vào năm 20 tuổi). Ông Khương Văn Khi

có 1 người con con gái và 6 người con trai. Ông Khương Văn Tài là em út trong nhà.

Theo các chứng cứ trên, thì hệ thống đặt tên của dòng họ Khương có tên đệm là “Văn” và được dùng cho tất cả các thế hệ con cháu.

2.6. Dòng họ Ngô (吳) (Địa Linh, dân tộc: Kinh)

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Ngô

Người cung cấp thông tin của dòng họ Ngô là ông Ngô Tùng (sinh năm 1964). Bảng phả hệ của dòng họ Ngô có thể giúp chúng ta biết được tổ tiên đầu tiên của họ di cư đến làng Minh Hương là ông Ngô Thiên Triệu (吳天趙). Ông di cư từ Quanzhou Jinjiang, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc (福建 Quanzhou Jinjiang, Fujian) đến Minh Hương thời nhà Thanh. Ông này là một lương y. Tuy nhiên, bảng phả hệ không cho biết ông đến Việt Nam vào năm nào, mà chỉ cho biết ngày sinh của người con trai lớn của ông là Ngô Thiên Quế (吳天桂) ở Minh Hương là vào năm 1740. Ông này làm lương y dưới thời Cảnh Hưng (景興) và mất vào năm 1814. Ông Ngô Thiên Quế có rất nhiều con.

Thế hệ trước của ông Ngô Tùng là ông Ngô Thiên Ân (吳天恩) (1793-1848). Tuy nhiên, bảng phả hệ không cho biết ông Ngô Thiên Ân đã từng làm nghề gì. Đại diện thế hệ thứ tư là ông Ngô Thiên Nhân (吳天仁) (1808), thế hệ thứ năm là ông Ngô Thiên Đình (吳天丁), thứ sáu là ông Ngô Thiên Đậu (吳天酉), thứ bảy là ông Ngô Thiên Ba (吳天花)³, là cha của ông Ngô Tùng (吳松).

Chúng ta nhận thấy có ba điểm khá thú vị trong hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Ngô. Thứ nhất, tên đệm từ đời thứ nhất đến đời thứ bảy đều là “Thiên”, hệ thống này khác so với truyền thống đặt tên của người Hoa. Bảng phả hệ được lập vào năm 1874 (năm Tự Đức thứ 27), một năm sau bảng phả hệ của dòng họ Trần. Ít ra vào thời điểm đó, các thành viên của dòng họ Ngô đều chấp nhận

³ Bảng phả hệ được viết bằng chữ Hán và Việt. Trong bảng phả hệ này, tên của ông Ngô Thiên Ba theo tiếng Hán là “吳天花”. Tôi không rõ liệu từ “花” có thể được đọc là “Ba” trong tiếng Việt hay không.

sử dụng hệ thống tên đệm của người Việt cho các thế hệ con cháu. Thứ hai, theo ông Ngô Tùng, họ không được phép sử dụng từ “Thiên” để làm tên đệm vì phạm húy, mặc dù họ vẫn dùng từ này trong bảng phả hệ của dòng họ. Vì thế, cha của ông là Ngô Thiên Ba (吳天花) nhưng phải đổi lại thành Ngô Sự. Thứ ba, tên của ông Ngô Tùng được viết là Ngô Kim Tùng (吳金松), có tên đệm là “Kim (金)” trong bảng phả hệ giống như tất cả các thành viên thuộc thế hệ thứ 8 (thế hệ của ông Ngô Tùng) của dòng họ. Con cháu thế hệ thứ tám được đặt tên đệm là “Đức (德)”. Dòng họ Ngô đã sử dụng từ “Thiên” là tên đệm từ thế hệ thứ nhất đến thế hệ thứ bảy. Tuy nhiên, họ đã thay đổi cách đặt tên đệm cho các thế hệ sau đó. Vấn đề này rất khó lý giải vì sao. Qua các chứng cứ trên, chúng ta có thể có một bảng danh sách tên đệm của dòng họ Ngô như sau:

- 1 Ngô Thiên Triệu (吳天趙) : Thiên
- 2 Ngô Thiên Quế (吳天桂) : Thiên
- 3 Ngô Thiên Ân (吳天恩) : Thiên
- 4 Ngô Thiên Nhân (吳天仁) : Thiên
- 5 Ngô Thiên Đinh (吳天丁) : Thiên
- 6 Ngô Thiên Dậu (吳天酉) : Thiên
- 7 Ngô Thiên Ba (吳天花) : Thiên
- 8 Ngô Kim Tùng (吳金松) : Kim
- 9 Ngô Đức Thức (吳德識) : Đức

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên

Nhà thờ họ Ngô ban đầu được xây bên cạnh sông Hương. Tuy nhiên, một trận lụt lớn vào năm 1987 đã phá hủy nhà thờ này. Sau đó, nó được xây dựng trong nhà của các thành viên trong dòng họ. Các bài vị của tổ tiên được thờ cúng trong nhà của một người bà con đang sống ở Bao Vinh... (chủ đề này còn cần được nghiên cứu sâu thêm).

2.7. Dòng họ Hầu (候) (Địa Linh, dân tộc: Kinh)

Người cung cấp thông tin về dòng họ Hầu là ông Hầu Thanh Hải (sinh năm 1957). Hiện tại ông Hải đang làm thợ mộc tại Địa Linh. Vợ ông là người gốc Hoa thuộc dòng họ Lữ (呂). Ông nội của

ông Hải đang quản lý một lò gạch. Tuy nhiên, cha của ông không theo nghề gạch mà chuyển sang làm thợ mộc.

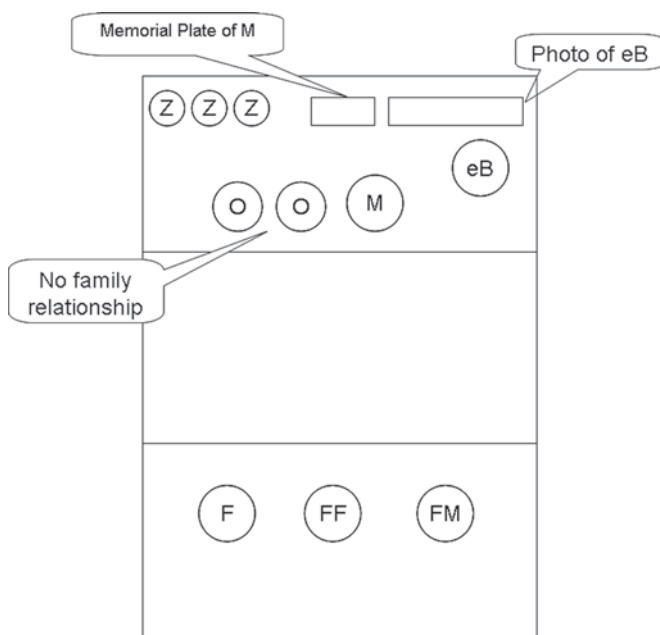
Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Hải

Ông nội của ông Hải di cư từ Quảng Châu (廣州) đến Địa Linh. Do băng phá hệ bị mất trong trận lụt năm 1953, ông Hải không biết ông nội của ông đã di cư đến Việt Nam vào năm nào.

Ông nội của ông Hải là Hải Văn Khanh, kết hôn với bà Đặng (鄧) Thị Chấn ở Quảng Châu (廣州). Ông bà sinh ra cha của ông là Hải Chấn. Lúc đầu, tên của cha của ông có chữ đệm là “Thanh”. Tuy nhiên, ông Chấn không thích tên đệm này và đổi thành Hải Chấn, nhưng ông vẫn dùng tên đệm này để đặt tên cho con trai là Hải Thanh Hải. Đến đời cháu, ông đặt tên đệm là “Mạc”.

Mặc dù ông Hải Thanh Hải vẫn biết rằng hậu duệ người Hoa phải tuân thủ cách đặt tên đệm theo truyền thống, nhưng hệ thống đặt tên này không còn rõ ràng sau thế hệ thứ hai của dòng họ nữa.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên



Khi di cư đến Việt Nam, ông nội của ông Hầu Thanh Hải đã mua một mảnh đất ở xã Thủy Xuân, thành phố Huế, gần lăng Tự Đức để làm đất hương hỏa của dòng họ Hầu. Nghĩa địa của dòng họ Hầu cũng được xây dựng trong phạm vi mảnh đất này. Hiện tại, người anh lớn của ông Hầu Thanh Hải đang sống ở đó.

Am thờ của gia đình và nhà thờ họ đều nằm trong nhà của ông Hải. Ông thờ ông nội, bà nội và cha ở phía trước am thờ. Ở phía sau thờ 7 người. Ở giữa của phần sau ông thờ bài vị và lư hương của mẹ. Di ảnh và lư hương của người anh lớn ông Hải được đặt phía bên phải bài vị của mẹ ông. Phía bên trái thờ 3 người chị của ông. Phía trước có thờ một cặp vợ chồng không cùng huyết thống với dòng họ Hầu.

2.8. Dòng họ Âu (歐) (Bao Vinh, dân tộc: Hán)

Lịch sử di cư và hệ thống đặt tên đệm của dòng họ Âu

Người cung cấp thông tin về dòng họ Âu là ông Âu Minh Trọng. Ông là hậu duệ thế hệ thứ tư của dòng họ người Hoa. Nguyên quán tổ tiên của ông là làng Văn Xương, tỉnh Hải Nam (海南), Trung Quốc. Vào thế kỷ thứ XVIII, ông Âu Thuận Du - được xem là người đầu tiên của dòng họ Âu di cư đến Việt Nam cùng với người em trai là Âu Thuận Diên⁴. Ông Âu Thuận Du kết hôn với bà Trần Thị Từ, con đẻ của ông Trần Tiến Thành. Ông Du vừa buôn bán thuốc đông y vừa buôn bán đường và muối.

Hai người con trai của ông Du là Âu Đức Năng và Âu Dục Xuân là hậu duệ thế hệ thứ hai của dòng họ Âu. Theo ông Âu Minh Trọng, tên đệm của dòng họ ông bị chia nhánh từ thế hệ thứ hai này thành “Đức” và “Dục”⁵. Tên đệm của thế hệ thứ ba sau thế hệ ông Âu Đức Năng là “Bang” và thế hệ sau đó là “Mậu”. Trong khi đó, tên đệm của thế hệ thứ 3 sau thế hệ của ông Âu Dục Xuân là “Đức”,

⁴ Âu Thuận Du kết hôn với con của ông Trần Tiến Thành vào năm 1901 (陳 1964: 24). Vì vậy, ông Âu Thuận Du đã di cư đến Bao Vinh vào cuối thế kỷ XVIII.

⁵ Tuy nhiên, theo bảng phả hệ của dòng họ Trần, hai người con của ông Âu Thuận Du là Âu Dục Xuân và Âu Dục Thu. Chi tiết này khác so với những thông tin ông Trọng đã cung cấp cho tôi.

sau đó là “Minh” và “Thiệp”. Một vài thành viên dòng họ Âu thuộc thế hệ của ông Âu Minh Trọng đã di cư sang Canada từ sau năm 1978. Một trong số những người này hiện đang lưu giữ bản phả hệ của dòng họ Âu.

Chúng tôi nhận thấy dường như có mối quan hệ nào đó giữa Hội quán Hải Nam (海南會館 Hainan hall) với dòng họ Âu này. Cha của ông Âu Minh Trọng từng là hiệu trưởng một trường trung học ở Huế. Ông này nghiên cứu tiếng Hán ở đường Chi Lăng và có thể nói được tiếng Hoa. Ông Trọng thường đến Hội quán khi cha của ông còn sống, nhưng bây giờ ông chỉ đến đó một năm một lần. Người cùng ông Âu Thuận Du xây dựng Hội quán đầu tiên cũng được tổ chức cúng ở Hội quán này vào tháng 12 hàng năm. Ông Âu Minh Trọng cũng tham gia ngày lễ này và đó là dịp duy nhất ông về Hội quán.

Nghi lễ thờ cúng tổ tiên của dòng họ Âu

Am thờ của dòng họ Âu nằm ở tầng hai trong nhà của người anh, ngay sát nhà ông Trọng. Ở giữa am thờ là hai bài vị. Một bài vị được viết là “ông cố thứ 19... (cần phải kiểm tra lại - TG)”. Bài vị kia được đặt trong một cái hộp. Bên cạnh hai bài vị này có 8 di ảnh của tổ tiên và bà con của ông Trọng, bao gồm ông Âu Thuận Du (người đầu tiên di cư đến Việt Nam), bà Trần Thị Từ (vợ của ông Âu Thuận Du), ông Âu Đức Năng và vợ, ông Âu Dục Xuân, bà Đặng Thị Nãi và ông Âu Đức Tài (cha của ông Trọng).

3. Phân tích

Như chúng ta thấy qua các trường hợp nghiên cứu ở trên, những dòng họ gốc Hoa có lịch sử và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên khá đa dạng. Trong phần sau, tôi muốn tổng hợp lại các thông tin ở trên theo quan điểm về chiều sâu thế hệ và địa điểm định cư, bao gồm cả 3 dòng họ mà tôi không đưa vào báo cáo này.

Đầu tiên, tôi sẽ chia 11 dòng họ nói trên thành 3 nhóm theo chiều sâu thế hệ. Trong số đó có 3 dòng họ có nhiều hơn 8 thế hệ, 5 dòng họ có ít hơn 4 thế hệ, và các dòng họ khác.

3.1. Dòng họ nhiều hơn 8 thế hệ

Tất cả 3 dòng họ có hơn 8 thế hệ định cư tại làng Minh Hương là họ Trần, họ Ngô và họ Lưu. Cả 3 dòng họ này đều có bảng phả hệ dòng họ. Trong số đó, họ Trần là dòng họ tuân thủ hệ thống đặt tên đệm riêng biệt cho từng thế hệ nhất. Dòng họ Lưu cũng tuân thủ hệ thống đặt tên đệm giống dòng họ Trần. Tuy nhiên họ đã thay đổi cách đặt tên đệm này ở 3 thế hệ gần đây nhất. Dòng họ Ngô lúc đầu không sử dụng hệ thống đặt tên đệm cho từng thế hệ, tuy nhiên các hậu duệ gần đây bắt đầu sử dụng hệ thống đặt tên đệm khác nhau. Dòng họ Lưu còn thờ bài vị của ông tổ đời thứ nhất, thứ hai và thứ ba ở am thờ của dòng họ.

3.2. Dòng họ ít hơn 4 thế hệ

Trong số 5 dòng họ có ít hơn 4 thế hệ, chỉ có họ Lý là đang sinh sống tại làng Minh Hương, hai dòng họ Khương và Hầu đang sinh sống tại Địa Linh, và ba dòng họ Âu, Phù và Huỳnh đang sinh sống tại Bao Vinh. Dòng họ Lý và họ Trần cũng từng có bảng phả hệ nhưng bị thất lạc do thiên tai. Dòng họ Khương lập phả hệ vào năm 1981. Cả ba dòng họ này đều không tuân theo hệ thống đặt tên đệm rõ ràng. Dòng họ Lý và dòng họ Khương sử dụng tên đệm giống nhau cho tất cả các thế hệ con cháu.

Theo ông Hầu Thanh Hải thì người Hoa thường đặt tên đệm riêng cho con cháu từng thế hệ. Ngược lại, ba dòng họ tại Bao Vinh là Âu, Phù và Huỳnh tuân thủ hệ thống đặt tên đệm theo truyền thống người Hoa rất chặt chẽ (nghĩa là đặt tên đệm theo từng thế hệ) mặc dù không phải dòng họ nào cũng có bảng phả hệ dòng họ.

Đối với nghi lễ thờ cúng tổ tiên, dòng họ Khương thờ ba thế hệ hậu duệ đích tôn, bao gồm cả những người không thế hệ. Dòng họ Lý thì không rõ tên tuổi của tổ tiên được thờ cúng trong am thờ mặc dù họ thờ hàng tá lư hương ở đó. Dòng họ Hầu có cách thờ tổ tiên khá đặc biệt khi thờ cúng cả những người không cùng huyết thống phía bên ngoại.

Ở Bao Vinh, dòng họ Âu và Huỳnh thờ nhiều di ảnh tổ tiên trong am thờ. Dường như họ dùng di ảnh để thay thế bài vị của tổ tiên.

3.3. Các dòng họ không có thông tin chính xác về chiều sâu thế hệ

Những dòng họ này vừa không biết chính xác dòng họ của họ có bao nhiêu thế hệ vừa không tuân thủ hệ thống đặt tên đệm của người Hoa. Như trường hợp của dòng họ Nhan, họ chỉ thờ ông tổ đầu tiên ở am thờ trung tâm trong nhà thờ họ. Tuy nhiên, họ không rõ lu hương nào tượng trưng cho ông tổ nào sau thế hệ thứ hai. Đây là do họ không biết đã có bao nhiêu thế hệ con cháu dòng họ Nhan kể từ đời thứ nhất. Đối với dòng họ Cam, nhiều người bên phía ngoại của cha ông Cam Mậu Tường (người cung cấp thông tin cho nhóm nghiên cứu) cũng được thờ cúng trong nhà thờ họ, mặc dù họ không cùng huyết thống với các thành viên khác của dòng họ.

Kết luận

Lịch sử di cư và các nghi thức thờ cúng tổ tiên của các hậu duệ gốc Hoa ở xã Hương Vinh là rất đa dạng. Sự đa dạng này phản ánh khuynh hướng mà những dòng họ này đã trải qua. Vì thế, việc tìm hiểu sâu hơn về sự đa dạng văn hóa của các dòng họ nhỏ này là rất quan trọng. Nó giúp chúng ta có thể xây dựng lại lịch sử của các hậu duệ gốc Hoa - những người không có tầm ảnh hưởng về kinh tế và chính trị cũng như thuộc dòng dõi cao quý như dòng họ Trần.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Trung

陳荊和

1959 「承天明鄉社與清河庸順化華僑史之一頁」新亞學報第四卷第一期、305-328 頁。

1964 『承天明鄉社陳氏正譜』（東南亞研究專刊之四）香港中文大學新亞研究所東南亞研究所刊。

黄蘭翔

2008 『越南：傳統聚落、宗教建築與宮殿』中央研究院人文社會科學研究所亞太區域研究專題中心。

Tiếng Pháp

Đào Duy Anh

1943 “Phố Lữ, Première Colonie Chinoise du Thừa Thiên”, *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, XXXe Année, No 3, p. 249-265.

Tiếng Nhật

山本達郎

1970 「越南の家譜」

末成道男

1995 「ベトナムの『家譜』」東洋文化研究所紀要第127冊、1-42頁。

2008 「華人の家庭祭壇」『東南アジアにおける中国系移民の土着化□クレオール化についての人類学的研究』

2009 「静かに溶けていった華人の末裔」『フィールドプラス(巻頭特集フュージョンする中国系移民)』No.2,4-5.

陳荊和

1970 「会安明郷社に関する諸問題について」『アジア経済』11(5), 79-92.